TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 49, 28/11 - 02/12/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Phục hồi ấn tượng, chỉ số ghi nhận tuần tăng mạnh nhất lịch sử"

Chứng khoán toàn cầu vẫn giữ được sắc xanh mặc dù mức tăng bắt đầu thu hẹp dần sau chuỗi tuần đi lên mạnh mẽ trước đó. Chủ tịch FED, ông Powell gợi ý khả năng tăng lãi suất chậm lại cho tháng 12 tạo ra sự lạc quan cho thị trường, bù đắp nỗi lo về dữ liệu lao động nóng hơn dự báo. Chốt tuần, Dow Jones, S&P 500 tăng nhẹ lần lượt 0.2% và 1.1%. Chứng khoán châu Âu cũng giằng co trở lại khi Stoxx Euro chỉ tăng 0.6%. Chứng khoán châu Á phân hóa với Nikkei giảm 1.9%, còn Hang Seng tiếp tục khởi sắc với mức tăng hơn 6.3%, Shanghai cũng tăng 1.8% khi giới đầu tư kỳ vọng Trung Quốc sẽ sớm mở cửa.

Dầu thô giao dịch biến động mạnh nhưng đã kết tuần cận mức 80 USD/thùng, bật tăng từ mức tiêu cực gần đáy ngắn hạn. Giới đầu tư đang chờ đợi cuộc họp của OPEC vào tuần sau với dự đoán tổ chức này sẽ tiếp tục cắt giảm sản lượng để hỗ trợ giá, tuy nhiên, nỗi lo về sự suy yếu của nền kinh tế làm giảm triển vọng nhu cầu vẫn còn dai dẳng. Tỷ giá khởi sắc hơn khi đồng USD tiếp tục suy yếu, chỉ số dollar đã rơi về dưới mức 105 tạo cơ hội cho các đồng tiền khác phục hồi.

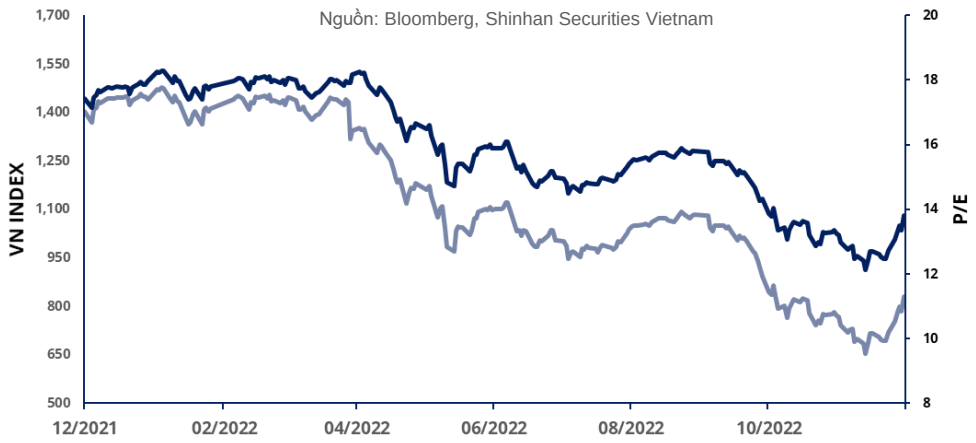
Chứng khoán Việt Nam có tuần tăng điểm ấn tượng, chỉ số đã xoá bớt phần lớn đà giảm từ các tuần trước đó để đóng cửa ở trên ngưỡng 1,000 điểm. Chốt tuần, VN-Index tăng 108.5 điểm (+11.2%) lên mức 1,080 điểm; HNXIndex cũng tăng 19.2 điểm (+9.8%) lên 216 điểm. Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong khi NĐT cá nhân trong nước bán ròng. Đa số nhóm ngành nối tiếp đà phục hồi và sắc xanh bao phủ khắp thị trường. Nhóm Bất động sản, Nguyên vật liệu kéo dài chuỗi phiên tăng trần cùng sự đồng thuận ở nhóm Ngân hàng tiếp tục là trụ đỡ cho thị trường. Tâm điểm tuần sau xoay quanh cuộc họp của OPEC, bên cạnh việc công bố lãi suất của Ngân hàng Úc và Canada. Tại Hoa Kỳ, dữ liệu PPI, tâm lý người tiêu dùng cũng như đơn xin trợ cấp thất nghiệp sẽ được quan tâm.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số đóng cửa tuần ở mức cao nhất tạo mẫu hình nến Marubozu, điều này hàm ý dòng tiền mua lên chủ động và có sự đồng thuận cao. Khớp lệnh cũng tăng đáng kể so với tuần trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật duy trì quán tính đi lên phù hợp xu hướng. Nhìn chung, quán tính tăng đang được ủng hộ với xác suất cao hơn. Dù vậy trước sự leo dốc liên tục của chỉ số, NĐT cũng nên hạn chế tâm lý hưng phấn. Thị trường có lẽ sẽ cần những nhịp nghỉ ngơi trước khi tiếp tục chinh phục các mức cao hơn. Kháng cự gần nhất cho xu hướng là ngưỡng 1,100 điểm trong khi hỗ trợ giờ đây được nâng lên là ngưỡng 1,020 điểm.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,080	11.2	8.3	-15.4	-27.9		11.3	1.7	176
Upcom Index	72	5.6	-2.8	-21.3	-35.9		11.5	1.3	40
HNX Index	216	9.8	5.6	-26.2	-54.4		13.9	1.2	10
VN30 Index	1,093	12.9	9.5	-15.8	-28.8		9.4	1.7	127
S&P 500 Index	4,072	1.1	8.0	3.8	-14.6		19.7	4.1	35,555
STOXX Europe 600 Index	443	0.6	6.3	7.2	-9.1		15.2	1.8	12,904
Hang Seng	18,675	6.3	15.6	-2.9	-20.2		6.9	0.8	2,639
Nikkei 225	27,778	-1.9	2.1	0.6	-3.5		18.8	1.6	3,601
SHCOMP Index	3,156	1.8	2.8	-1.4	-13.3		14.1	1.4	6,350
STI Index	3,259	0.5	4.1	1.4	4.3		11.6	1.1	373
KOSPI Index	2,434	-0.2	3.7	1.3	-18.2		11.5	0.9	1,429

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam



Mở tài khoản

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD						% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	11.2	7.3	14.1	78.5	76.0	79.4	72.0	-1.1	11.3	1.8	3,745,737
Mid Cap	10.9	-2.8	11.7	88.0	84.6	27.2	26.3	1.0	11.0	1.0	483,750
Small Cap	9.3	-1.3	-23.0	91.1	81.9	25.0	1.7	0.1	11.3	0.6	74,175

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD						% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Nguyên vật liệu	18.8	8.4	-5.5	77.6	61.5	35.1	14.0	-0.3	6.7	1.1	289,493
Dịch vụ Tiêu dùng	14.4	-3.1	7.4	68.5	44.5	8.0	3.5	-0.3	n.a	3.5	184,160
Tài chính	13.8	3.4	-24.5	96.9	141.3	120.9	42.3	3.4	15.9	1.5	1,037,789
Dầu khí	13.0	4.8	-28.4	51.0	49.8	-12.7	1.2	-0.2	53.5	1.9	49,049
Ngân hàng	12.0	11.3	17.5	77.3	43.2	78.1	20.3	-0.4	8.1	1.5	1,482,012
Công nghiệp	10.0	-0.5	23.2	75.1	60.8	12.2	7.6	-0.3	10.8	1.0	207,897
Công nghệ Thông tin	8.7	4.8	3.2	86.2	29.7	22.2	0.9	0.0	15.8	2.8	97,328
Tiện ích Cộng đồng	5.9	0.3	271.4	46.7	28.9	-15.0	1.5	-0.3	13.3	2.1	322,013
Dược và Y tế	5.3	1.6	2.9	82.4	55.2	37.5	0.2	0.0	13.1	1.8	30,635
Hàng Tiêu dùng	4.6	5.6	141.7	52.1	46.9	13.3	8.6	-1.6	15.5	2.6	603,501

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,979**	**150.25**	**354.83**	**451.9**	**589.3**
Nước ngoài	**1,932**	**153.51**	**329.77**	**417.1**	**621.7**
VanEck Vectors Vietnam ETF	398	24.43	48.90	74.3	57.5
Fubon FTSE Vietnam ETF	692	49.33	138.54	199.8	649.0
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	448	77.12	117.32	117.3	67.9
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	254	2.62	17.72	20.1	-54.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	109	0.00	8.71	8.7	-101.9
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.00	-1.94	-3.6	-1.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.00	0.53	0.5	-7.9
Asian Growth CUBS ETF	11	0.00	0.00	0.0	13.0
Trong nước	**1,047**	**-3.25**	**25.05**	**34.7**	**-32.4**
DCVFMVN Diamond ETF	576	0.00	0.00	0.0	-99.7
DCVFMVN30 ETF Fund	306	-0.80	21.82	26.3	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	124	0.00	7.01	16.2	0.1
MAFN VN30 ETF	25	-1.32	-2.52	-6.8	62.3
SSIAM VNX50 ETF	8	-1.14	-1.25	-1.0	1.1
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.00	0.00	0.00	3.8

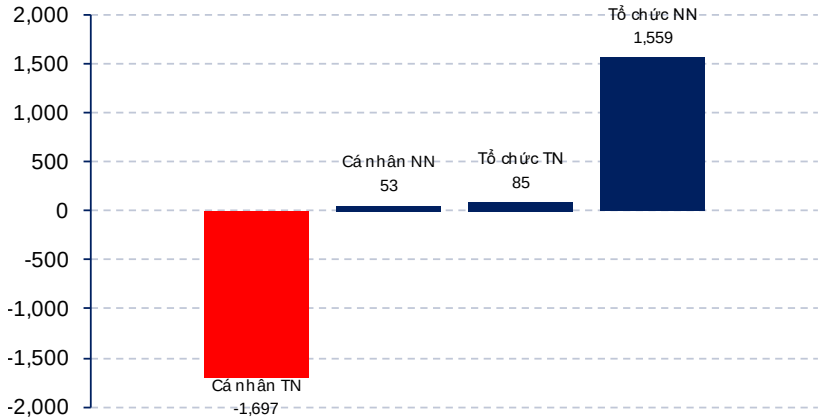
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-48,296	-102,234	-187,530
Ấn độ	1,387	-182	5,522	-17,031
Indonesia	-51	-179	596	5,432
Nhật Bản	3,183	9,544	21,757	3,404
Maylaysia	-2	18	-171	1,423
Philippines	-29	-7	81	-1,144
Hàn Quốc	577	-255	4,902	-8,615
Sri Lanka	5	5	12	48
Đài Loan	1,315	624	4,069	-40,498
Thái Lan	125	-111	963	5,481
Việt Nam	352	123	644	592

Chú thích:

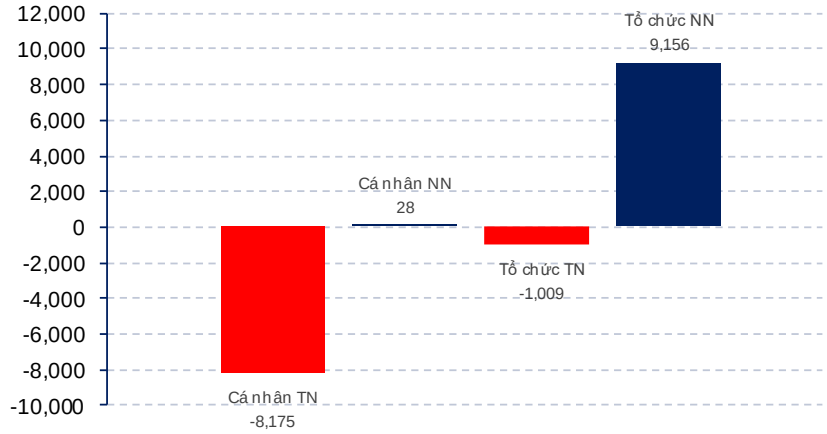
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tuần trước đó



Tuần vừa qua



Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	IBC	Dịch vụ tài chính	8.78 - 22.15	8.8	-24.96%
2	NO1	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.37 - 11.50	9.0	-13.88%
3	TCH	Ô tô và phụ tùng	5.31 - 28.19	8.0	-13.23%
4	TVT	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.05 - 36.20	23.0	-8.00%
5	PAC	Sản xuất nông nghiệp	26.50 - 38.90	33.5	-7.59%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.68%	4.8	2.69 - 29.50	Bất động sản	DRH
30.62%	10.8	5.75 - 23.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VOS
30.37%	5.6	2.40 - 21.80	Dịch vụ tài chính	APG
30.30%	3.0	1.50 - 10.90	Bất động sản	HQC
30.28%	5.6	12.85 - 70.00	Bán lẻ	PET

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SDU	Xây dựng và Vật liệu	9.70 - 36.90	20.8	-26.76%
2	VNT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.90 - 90.80	56.0	-25.83%
3	SDG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.20 - 40.00	16.5	-16.24%
4	SPC	Hóa chất	14.40 - 23.60	15.0	-11.76%
5	VLA	Công nghệ Thông tin	14.86 - 77.00	53.9	-10.02%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
45.70%	22.0	7.30 - 100.00	Bất động sản	CEO
45.67%	62.2	16.50 - 420.87	Xây dựng và Vật liệu	L14
41.98%	11.5	3.80 - 50.40	Dịch vụ tài chính	APS
38.10%	5.8	2.60 - 26.67	Bất động sản	AAV
36.84%	2.6	1.50 - 17.10	Bất động sản	BII

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HAF	Thực phẩm và đồ uống	14.30 - 42.00	25.0	-35.06%
2	VIM	Tài nguyên Cơ bản	18.20 - 36.00	21.0	-28.81%
3	YBC	Xây dựng và Vật liệu	6.30 - 20.60	6.3	-27.59%
4	VIW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.70 - 24.00	8.7	-27.50%
5	PMW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	22.95 - 38.24	24.0	-27.27%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
71.43%	3.6	2.10 - 11.30	Thực phẩm và đồ uống	PCF
67.57%	6.2	3.30 - 22.50	Xây dựng và Vật liệu	L12
66.67%	9.5	5.50 - 16.60	Xây dựng và Vật liệu	ACS
57.89%	3.0	1.50 - 9.20	Thực phẩm và đồ uống	VNH
56.25%	20.0	11.40 - 111.40	Xây dựng và Vật liệu	LIC

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá	Biến động 52 tuần	%1W
1	HPX	Đầu tư Hải Phát	Bất động sản	377,640.0	618,982.0	9.1	7.92 - 40.00	-7.6
2	PDR	BĐS Phát Đạt	Bất động sản	478,016.6	1,418.5	15.6	11.20 - 73.22	20.9
3	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	1,524.9	1,181.4	11.9	8.65 - 39.20	24.0
4	CAV	Dây cáp điện Việt Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	502.1	1,171.2	51.8	45.00 - 63.90	10.2
5	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	916,389.1	877.1	23.8	19.05 - 91.00	16.4
6	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	779.5	801.2	40.6	39.10 - 53.50	-0.6
7	DMC	Dược phẩm DOMESCO	Y tế	855.6	601.3	42.3	39.70 - 65.00	1.2
8	TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Ngân hàng	194,945.3	278.2	22.8	18.30 - 44.00	12.3
9	HTN	Hưng Thịnh Incons	Bất động sản	7,331.8	245.8	19.0	14.40 - 59.30	15.2
10	HAH	Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	78,572.9	200.8	30.9	22.40 - 92.90	3.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

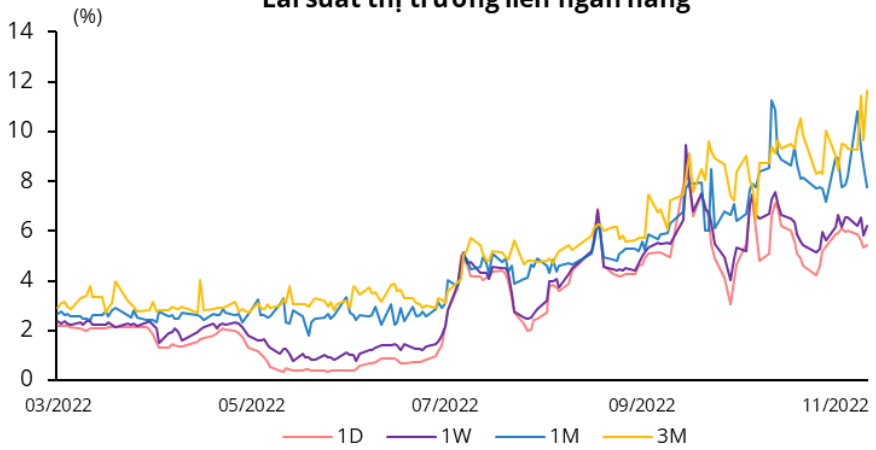
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	104.55	-1.33	-6.11	-4.55	9.28	
VND/USD	24,477	-1.31	-1.43	4.41	7.23	
KRW/USD	1,300.20	-1.81	-8.28	-4.59	9.36	
JPY/USD	134.31	-3.51	-9.19	-4.20	16.71	
EUR/USD	0.95	-1.33	-6.80	-5.52	7.95	
SGD/USD	1.35	-1.83	-4.63	-3.61	0.19	
CNY/USD	7.05	-1.56	-3.24	2.22	10.97	

Hàng hóa

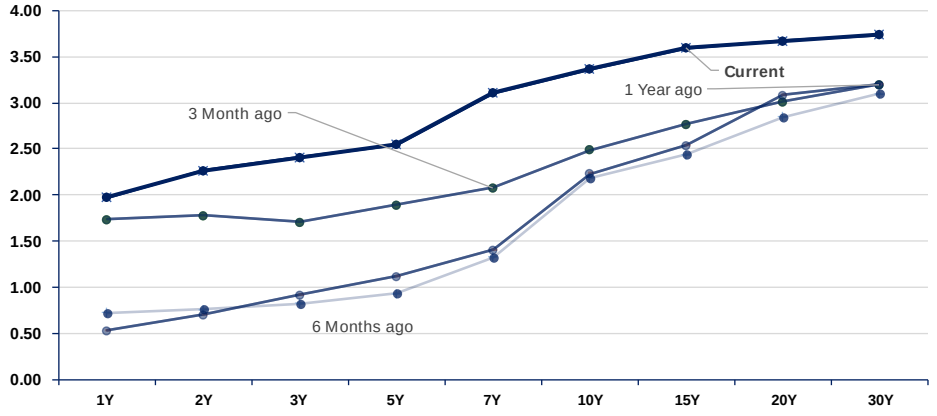
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	79.98	4.85	-11.13	-7.93	6.34	
Xăng	228.04	-2.05	-15.45	-7.44	2.33	
Gas	6.28	-10.58	0.21	-28.51	68.39	
Than	391.00	11.91	8.31	-10.11	130.54	
Vàng	1,797.63	2.43	9.93	4.99	-1.73	
Bạc	23.14	6.42	20.34	28.26	-0.72	
Platinum	1,019.11	3.61	8.69	21.46	5.20	
Quặng sắt	107.44	15.85	30.86	12.44	-4.50	
Thép cán	3,920.00	1.48	5.21	-0.56	-17.46	
Lúa mì	737.25	-4.93	-12.85	-7.03	-4.35	
Ngô	635.00	-4.94	-7.64	-5.08	7.04	
Gỗ	396.00	-6.23	-12.00	-19.81	-65.50	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Shinhan Securities

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.